



HAGL Agrico

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

(Trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2016

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 30



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2016


Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.819.551.684	2.794.644.069
110	I. Tiền	4	456.363	572.981
111	1. Tiền		456.363	572.981
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.798.231.671	2.792.656.170
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	32.556.215	22.670.764
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.017.057	567.410
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	400.291.002	1.510.757.588
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.363.737.186	1.261.030.197
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.369.789)	(2.369.789)
140	III. Hàng tồn kho		1.062.527	1.028.896
141	1. Hàng tồn kho	8	1.062.527	1.028.896
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		19.801.123	386.022
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	19.801.123	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	100.191
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.315.883.241	10.604.939.439
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.725.128.526	2.703.320.877
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	3.725.128.526	2.703.320.877
220	II. Tài sản cố định		42.463.737	45.939.164
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.512.940	9.475.958
222	Nguyên giá		23.461.235	25.036.836
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.948.295)	(15.560.878)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	34.950.797	36.463.206
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.246.388)	(11.733.979)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		9.547.833.300	7.855.101.013
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	9.274.657.309	7.581.925.022
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	273.175.991	273.175.991
260	IV. Tài sản dài hạn khác		457.678	578.385
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	457.678	578.385
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.135.434.925	13.399.583.508

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.212.697.147	5.130.207.338
310	I. Nợ ngắn hạn		1.613.613.643	1.454.911.883
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	5.217.233	62.617.582
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	170.967	1.648.287
314	3. Phải trả người lao động		766.921	1.107.406
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	359.197.332	305.212.779
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	847.970.190	677.680.829
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	400.291.000	406.645.000
330	II. Nợ dài hạn		3.599.083.504	3.675.295.455
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	3.599.083.504	3.675.295.455
400	D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	9.922.737.778	8.269.376.170
410	I. Vốn chủ sở hữu		9.922.737.778	8.269.376.170
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.671.438.950	7.081.438.950
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.081.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	2.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.186.748.018	1.185.386.410
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.185.386.410	27.790.888
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.361.608	1.157.595.522
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.135.434.925	13.399.583.508


 Hồ Thị Tuyết Loan
 Người lập


 Đỗ Văn Hải
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Xuân Thắng
 Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	9.264.160	2.230.000	9.264.160	2.230.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	9.264.160	2.230.000	9.264.160	2.230.000
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(8.515.117)	(1.596.200)	(8.515.117)	(1.596.200)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		749.043	633.800	749.043	633.800
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	88.636.095	59.316.131	88.636.095	59.316.131
22	7. Chi phí tài chính	23	(81.896.257)	(55.476.661)	(81.896.257)	(55.476.661)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(83.407.271)	(55.359.745)	(83.407.271)	(55.359.745)
25	8. Chi phí bán hàng		(416.614)	(455.017)	(416.614)	(455.017)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(5.277.335)	(3.498.989)	(5.277.335)	(3.498.989)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.794.932	519.264	1.794.932	519.264
31	11. Thu nhập khác	24	566.566	1.420.817	566.566	1.420.817
32	12. Chi phí khác	24	(659.488)	(1.488.599)	(659.488)	(1.488.599)
40	13. Lợi nhuận khác	24	(92.922)	(67.782)	(92.922)	(67.782)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.702.010	451.482	1.702.010	451.482
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(340.402)	(99.326)	(340.402)	(99.326)
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.361.608	352.156	1.361.608	352.156



Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập

Ngày 29 tháng 04 năm 2016



Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.702.010	451.482
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	10,11	2.222.822	2.388.940
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1.511.014)	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(88.636.095)	-
06	Chi phí lãi vay		83.407.271	55.359.745
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.815.006)	58.200.167
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		42.227.298	(23.883.974)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(33.631)	(133.641)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		(104.119.491)	95.671.674
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(19.680.416)	(3.154.148)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(55.649.403)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25	-	(1.058.447)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(84.421.246)	69.992.228
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	589.440
23	Tiền chi cho vay		-	(100.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	19.652.607
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.672.437.525)	(113.883.643)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		369.512	23.848.965
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.672.068.013)	(169.792.631)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.652.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		105.142.641	100.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(770.000)	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.756.372.641	100.000.000
50	Giảm (tăng) tiền thuần trong kỳ		(116.618)	199.597
60	Tiền đầu kỳ	4	572.981	1.449.756
70	Tiền cuối kỳ	4	456.363	1.649.353



Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập



Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý I năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 08 tháng 03 năm 2016, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ mười bốn, tăng vốn điều lệ từ bảy ngàn không trăm tám mươi một tỷ đồng lên bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một tỷ đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 70,45% vào ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý I năm 2016 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15"), và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
---	---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Súc vật làm việc và cho sản phẩm	8 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau :

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi ngân hàng	303.433	353.027
Tiền mặt tại quỹ	152.930	219.954
TỔNG CỘNG	456.363	572.981

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	6.230.115	3.385.413
Phải thu các bên liên quan (thuyết minh số 26)	26.326.100	19.285.351
TỔNG CỘNG	32.556.215	22.670.764

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	4.017.057	567.410
TỔNG CỘNG	4.017.057	567.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (thuyết minh số 26)	400.291.002	1.510.757.588
Các khoản khác	1.363.737.186	1.261.030.197
TỔNG CỘNG	1.764.028.188	2.771.787.785

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, phải thu các khoản khác bao gồm phải thu các bên liên quan số tiền là: 1.362.335.884 ngàn VNĐ (thuyết minh số 26)

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Hàng hóa	945.200	945.200
Nguyên vật liệu	68.428	63.901
Công cụ, dụng cụ	48.899	19.795
TỔNG CỘNG	1.062.527	1.028.896

9. PHẢI THU DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cho vay dài hạn bên liên quan (thuyết minh số 26)	3.725.128.526	2.703.320.877
TỔNG CỘNG	3.725.128.526	2.703.320.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND			
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	17.621.446	7.134.116	281.274	25.036.836
Mua sắm mới	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.575.601)	-	(1.575.601)
Ngày 31 tháng 03 năm 2016	17.621.446	5.558.515	281.274	23.461.235
Hao mòn lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(12.436.478)	(2.847.449)	(276.951)	(15.560.878)
Tăng trong kỳ	(521.936)	(185.884)	(2.593)	(710.413)
Thanh lý, nhượng bán	-	322.996	-	322.996
Ngày 31 tháng 03 năm 2016	(12.958.414)	(2.710.337)	(279.544)	(15.948.295)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.184.968	4.286.667	4.323	9.475.958
Ngày 31 tháng 03 năm 2016	4.663.032	2.848.178	1.730	7.512.940



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i> <i>Phần mềm</i> <i>máy tính</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	48.197.185
Mua sắm mới	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2016	<u>48.197.185</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(11.733.979)
Tăng trong kỳ	(1.512.409)
Ngày 31 tháng 03 năm 2016	<u>(13.246.388)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	36.463.206
Ngày 31 tháng 03 năm 2016	<u>34.950.797</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
		<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
		<i>%</i>	<i>Ngàn VND</i>	<i>%</i>	<i>Ngàn VND</i>
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Nông nghiệp	100,00	2.101.029.560	100,00	2.080.734.798
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Nông nghiệp	99,99	1.375.149.450	99,99	1.375.149.450
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Nông nghiệp	100,00	932.321.140	100,00	909.883.615
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Nông nghiệp	97,77	440.512.398	97,77	440.512.398
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi	99,00	615.584.549	99,00	615.584.549
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Bất động sản và Nông nghiệp	99,53	394.313.155	99,53	394.313.155
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Nông nghiệp	100,00	171.654.457	100,00	171.654.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 03 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	100,00	100.000.000
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Nông nghiệp	99,70	798.397.600	99,70	798.397.600
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Nông Nghiệp	69,50	695.695.000	69,50	695.695.000
Công ty Cổ phần Cao su Đông Dương (i)	Nông Nghiệp	100,00	1.650.000.000	-	-
TỔNG CỘNG			9.274.657.309		7.581.925.022

(i) Ngày 03 tháng 03 năm 2016, Công ty đã hoàn tất mua lại toàn bộ phần vốn góp với tổng giá phí là 1.650.000.000 ngàn VNĐ, tương đương với 100% quyền sở hữu trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("CSĐD") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh (tỷ lệ vốn góp 52,83%) và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh (tỷ lệ vốn góp 47,17%). Theo đó, CSĐD đã trở thành Công ty con của Công ty vào ngày này.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 03 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	47,80	273.175.991	47,80	273.175.991

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí trả trước ngắn hạn	19.801.123	-
Chi phí trả trước dài hạn	457.678	578.385
TỔNG CỘNG	20.258.801	578.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	300.000.000	300.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 19.4)	66.073.000	66.073.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.1)	34.218.000	40.572.000
TỔNG CỘNG	400.291.000	406.645.000

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	5.217.233	62.617.582
TỔNG CỘNG	5.217.233	62.617.582

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 389.733 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 26).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Thuế giá trị gia tăng	48.578	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	54.571	-
Thuế thu nhập cá nhân	67.818	1.648.287
TỔNG CỘNG	170.967	1.648.287

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí lãi vay	359.197.332	305.212.779
TỔNG CỘNG	359.197.332	305.212.779

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	831.993.922	672.939.275
Phải trả khác bên thứ ba	15.976.268	4.741.554
TỔNG CỘNG	847.970.190	677.680.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	902.925.151	985.491.102
Trái phiếu kèm chứng quyền (Thuyết minh số 19.2)	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 19.4 và 26)	1.096.449.353	1.096.449.353
TỔNG CỘNG	<u>3.999.374.504</u>	<u>4.081.940.455</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	3.599.083.504	3.675.295.455
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	300.000.000	300.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 19.4)	66.073.000	66.073.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.1)	34.218.000	40.572.000

19.1 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngàn VNĐ				
<i>BIDV, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	<u>640.470.546</u>	Hoàn trả trong vòng 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 28 tháng 4 năm 2010)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (7%/năm trong năm hiện tại)	Dự án trồng 10.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu, Lào
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	34.218.000			
<i>Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	<u>262.454.605</u>	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 3 tháng 1 năm 2014)	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (11,55%/năm trong kỳ hiện tại)	Quyền sử dụng 797,2 ha đất và các tài sản gắn liền với đất tại huyện EaHleo, tỉnh Đắk Lắk của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; 16 triệu cổ phiếu HAG của chủ tịch Đoàn Nguyễn Đức
TỔNG CỘNG	<u>902.925.151</u>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	34.218.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

19.2 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37% một năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một (1) đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3% một năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một (1) đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3% một năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được lần lượt là 750 tỷ VND, 450 tỷ VND và 800 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía đường tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Công ty và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 150.717.250 cổ phiếu của Công ty ("HNG") được nắm giữ bởi Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu trước hạn với hai trái chủ là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong, số lượng trái phiếu lần lượt là 12.000 và 5.000 với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND. Đồng thời, 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND đã được gia hạn một (1) năm, thời gian đáo hạn mới là ngày 28 tháng 12 năm 2016. Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng 25.585.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") thuộc sở hữu chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 4.000.000 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016, trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Bắc Á, chịu lãi suất từ 9,50% đến 9,80% một năm trong năm nay và đã được phân loại thành khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng.

19.3 Trái phiếu thường

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một tỷ VND) do ECS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

19.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

với biên độ 4,5% một năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng căn cứ theo các hợp đồng đặt mua vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, với số tiền thu được lần lượt là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.700 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía đường tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ.

19.4 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Thời hạn thanh toán	Lãi suất
Ngàn VND			
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ</i>			
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12%/năm
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012	150.000.000	72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	16%/năm
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.953	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Từ 14% đến 17%/năm
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011	99.278.400	72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	11,93%/năm
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013	66.073.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	15%/năm
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	10.225.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12%/năm
Hợp đồng vay số 02/2015//HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87%/năm
Hợp đồng vay số 25-07/2015//HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	350.000.000	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,35%/năm
TỔNG CỘNG	<u>1.096.449.353</u>		
<i>Trong đó :</i>			
Vay dài hạn	1.030.376.353		
Vay dài hạn đến hạn trả	66.073.000		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty và các Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

				Ngàn VNĐ
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Quý I năm 2015				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2015	3.990.670.000	1.295.347.000	27.790.888	5.313.807.888
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	352.156	352.156
Chia cổ tức	-	-	-	-
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2015	3.990.670.000	1.295.347.000	28.143.044	5.314.160.044
Quý I năm 2016				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	7.081.438.950	2.550.810	1.185.386.410	8.269.376.170
Phát hành thêm Cổ phiếu	590.000.000	-	-	590.000.000
Phát hành cổ phiếu trong năm bằng nguồn thặng dư	-	1.062.000.000	-	1.062.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	1.361.608	1.361.608
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2016	7.671.438.950	1.064.550.810	1.186.748.018	9.922.737.778



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	540.458.340	5.404.583.400	70,45	5.404.583.400
Cổ đông khác	226.685.555	2.266.855.550	29,55	2.266.855.550
TỔNG CỘNG	767.143.895	7.671.438.950	100	7.671.438.950

20.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	708.143.895

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Ngày 22 tháng 03 năm 2016, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 54/2015/GCNCP-VSD-1; Theo đó, Công ty đã hoàn tất đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu cho hai cổ đông là Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh với tổng số cổ phiếu là 59.000.000 cổ phiếu, tăng vốn từ 7.081.438.950 ngàn VNĐ lên 7.671.438.950 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

21. DOANH THU

21.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	9.210.530	2.230.000	9.210.530	2.230.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.630	-	53.630	-
TỔNG CỘNG	9.264.160	2.230.000	9.264.160	2.230.000

21.2 DOANH THU TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	88.266.583	59.307.798	88.266.583	59.307.798
Lãi tiền gửi ngân hàng	369.512	6.045	369.512	6.045
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	2.288	-	2.288
Các khoản khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	88.636.095	59.316.131	88.636.095	59.316.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	8.223.855	1.596.200	8.223.855	1.596.200
Giá vốn của các dịch vụ	291.262	-	291.262	-
TỔNG CỘNG	8.515.117	1.596.200	8.515.117	1.596.200

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	83.407.271	55.356.388	83.407.271	55.356.388
Các khoản khác	-	116.916	-	116.916
Chênh lệch tỷ giá	(1.511.014)	3.357	(1.511.014)	3.357
TỔNG CỘNG	81.896.257	55.476.661	81.896.257	55.476.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

24. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	<i>Quý I</i>		<i>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	566.566	1.420.817	566.566	1.420.817
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	14	589.440	14	589.440
Các khoản khác	566.552	831.377	566.552	831.377
Chi phí khác	(659.488)	(1.488.599)	(659.488)	(1.488.599)
Giá trị còn lại của Tài sản thanh lý	-	(589.440)	-	(589.440)
Chi phí vi phạm hợp đồng	(22.389)	-	(22.389)	-
Các khoản khác	(637.099)	(899.159)	(637.099)	(899.159)
TỔNG CỘNG	(92.922)	(67.782)	(92.922)	(67.782)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ thuế hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Quý I năm 2016</i>	<i>Quý I năm 2015</i>
Lợi nhuận trước thuế	<u>1.702.010</u>	<u>451.482</u>
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	<u>1.702.010</u>	<u>451.482</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	<u>340.402</u>	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	<u>340.402</u>	<u>99.326</u>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(285.831)	1.058.447
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(1.058.447)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	<u>54.571</u>	<u>99.326</u>

26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền	105.142.641
		Chi phí lãi vay	54.682.005
		Bán hàng hóa, dịch vụ	4.940
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	15.539.171
		Bán hàng hóa, dịch vụ	3.701.430
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	3.414.004
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	23.475.640
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	22.309.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	20.710.765
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	13.104.943
Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu, dịch vụ	337.672
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	735.710
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay Bán hàng hóa, dịch vụ	4.948.624 2.063.101
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Thanh lý tài sản Bán hàng hóa, dịch vụ	891.300 878.280

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số dư</i>
<i>Phải thu khác hàng</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	5.187
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản	3.285.900
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	943.950
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	12.549.195
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.343.307
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.506.869
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	5.691.692
TỔNG CỘNG			26.326.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số dư</i>
Phải thu ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Lãi vay	35.762.835
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi vay Khác	188.086.369 5.406.428
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi vay Khác	301.242.616 7.212.880
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay Cổ tức Khác	198.746.879 8.148.900 25.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi vay Cổ tức Khác	265.148.915 19.507.500 6.725.205
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi vay Khác	283.487.790 5.446.141
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Quỹ khen thưởng	2.065.085
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi vay Khác	34.408.826 914.515
TỔNG CỘNG			<u>1.362.335.884</u>
Phải thu dài hạn			
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	720.449.591
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	590.151.354
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.374.130.188
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	353.611.131
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	451.064.043
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Cho vay	95.221.602
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	140.500.617
TỔNG CỘNG			<u>3.725.128.526</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số dư</i>
<i>Phải trả người bán</i>			
Chi nhánh Cơ khí- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	7.073
Công ty TNHH MTV Kinh doanh xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	371.440
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	11.220
TỔNG CỘNG			389.733
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Andoung Meas	Công ty con	Mượn tiền	1.319.343
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền	719.554.303
		Lãi vay	109.441.776
		Khác	1.457.388
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Mượn tiền	150.381
Công ty TNHH Hoàng Anh Lum Phát	Công ty con	Mượn tiền	70.731
TỔNG CỘNG			831.993.922
<i>Vay dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	1.096.449.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.



Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập
Ngày 29 tháng 04 năm 2016



Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc